**MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN: KHTN6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút**

**I. Mục đích của đề kiểm tra:**

 **1. Phạm vi kiến thức**:

 **2. Mục đích**:

- Đánh giá một số kiến thức, kĩ năng đã học trong chương trình khoa học tự nhiên 6 học kì I

- Phát hiện lệch lạc của HS trong nhận thức để điều chỉnh PPDH cho phù hợp

- Giáo dục ý thức tự giác, trung thực trong thi cử

**II. Hình thức kiểm tra:**

 Kết hợp TNKQ và tự luận (50% TNKQ, 50% TL)

**III. Thiết lập ma trận đề kiểm tra:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN: KHTN6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút**

| Chủ đề | MỨC ĐỘ | Tổng số câu | Điểm số |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN |
| *1. Mở đầu*  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 1 | 2,5 |
| *2. Các thể của chất* |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 0,5 |
| *3. Các phép đo* |  | 2 |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 | 3 | 2,5 |
| *3. Tế bào- Đơn vị cơ sở của* *sự sống*  | 1 |  |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | 2 | 3 |
| *4. Từ tế bào đến cơ thể*  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |  |  | 3 | 1,5 |
| Số câu/ số ý | 1 | 4 | 1 | 4 |  | 2 | 1 |  | 3 | 10 | 10,0 |
| Điểm số | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 |  | 1,0 | 1 |  | 5,0 | 5,0 | 10  |
| Tổng số điểm | 4,0 điểm | 4,0 điểm | 1,0 điểm | 1,0 điểm | 10 điểm | 10 điểm |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN: KHTN6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút**

| Nội dung | Mức độ | Yêu cầu cần đạt | Số ý TL/số câu hỏi TN | Câu hỏi |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| *1. Mở đầu (7 tiết)* | 1 | 3 |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | Nhận biết | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | 1 |  | C3 |
| Thông hiểu | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | 1 | 1 | C1  | C2 |
| Vận dụng  thấp | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  | 1 |  | C1 |
| Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất.Tính chất của chất | Nhận biết | -Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tựnhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  | 1 |  | C2 |
| *2. Các phép đo*  | 1 | 3 |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng và thời gian | Nhận biết | - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 | C4 |  |
| Thônghiểu | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian)– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 | C5 |  |
| Vận dụngthấp | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  | 1 | C10 |  |
| Vận dụngCao | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. | 1 |  | C3 |  |
| *3. Tế bào- Đơn vị cơ sở của sự sống*  |  |  |  |  |
| *Tế bào là* *đơn vị cấu* *trúc và* *chức năng* *của cơ thể* *sống* | Nhận biết | - Khái niệm tế bào, hình dạng, kích thước của tế bào.- Các thành phần cấu tạo và chức năng của tế bào.- Quá trình sinh sản và lớn lên của tế bào.- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống. | 1 | 1 | C2 |  |
| Thông hiểu | - Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, tế bào động vật và tế bào thực vật. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào và nêu được ý nghĩa của quá trình đó. |  | 1 |  | C7 |
| Vận dụng  | - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.-.Nêu được ý nghĩa của quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào. |  | 1 |  | C8 |
| Vận dụng Cao | -Mô tả được cấu trúc tế bào động vật và thực vật. |  |  |  |  |
| *4. Từ tế bào đến cơ thể* |  |  |  |  |
| *- Cơ thể* *đơn bào**- Cơ thể* *đa bào**- Mối quan* *hệ từ tế* *bào đến* *cơ thể* | Nhận biết | - Đặc điểm: Cơ thể đơn bào; Cơ thể đa bào.- Nêu được khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể.  |  | 1 |  | C9 |
| Thông hiểu | - Sự khác biệt giữa cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào. Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. |  | 1 |  | C6 |
| Vận dụng | - Mô tả được cấu tạo cơ thể đơn bào.- Mô tả được các cơ quan cấu tạo của cây xanh.- Mô tả được cấu tạo cơ thể người. |  |  |  |  |
| Vận dụng Cao | - Nêu được cách làm tiêu bản và sử dụng kính hiển vi.- Lấy ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa các cấp độ cấu tạo của cơ thể. |  |  |  |  |

**ĐỀ THI GIỮA KÌ I MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**I: TRẮC NGHIỆM** *( 5,0 điểm; mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)*

**Câu 1:** Khi không may bị hoá chất ăn da bám lên tay thì bước đẩu tiên và cẩn thiết nhất là phải làm gì?

**A.** Đưa ra trung tâm ỵ tế cấp cứu.

**B.** Hô hấp nhân tạo.

**C.** Lấy lá cây thuốc bỏng ép vào.

**D.** Cởi bỏ phẩn quần áo dính hoá chất, xả tay dưới vòi nước sạch ngay lập tức.

**Câu 2:** Vật thể nhân tạo là

**A.** Cây lúa. **B.** Cái cầu. **C.** Mặt trời. **D.** Con sóc.

**Câu** **3:** Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?

1. Các sự vật, hiện tượng tự nhiên.
2. Các quy luật tự nhiên.
3. Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 4:** Dụng cụ không được sử dụng để đo chiều dài là

1. Compa. **B.** Thước mét. **C.** Thước kẹp. **D.** Thước dây.

**Câu 5:**  Một thước có 61 vạch chia thành 60 khoảng đều nhau, vạch đầu tiên ghi số 0, vạch cuối cùng ghi số 30 kèm theo đơn vị cm. Thông tin đúng của thước là

 **A.** GHĐ và ĐCNN là 60 cm và 2 cm. **B.** GHĐ và ĐCNN là 30 cm và 2 cm.

 **C.** GHĐ và ĐCNN là 30 cm và 0,5 cm. **D.** GHĐ và ĐCNN là 60 cm và 0,5 cm.

**Câu 6:** Sơ đồ nào thể hiện mối quan hệ giữa các cấp tổ chức cơ thể của cơ thể đa bào từ thấp đến cao?

**A.** Mô → Tế bào → Cơ quan → Hệ cơ quan → Cơ thể.

**B.** Tế bào → Mô → Cơ thể → Cơ quan → Hệ cơ quan.
**C.** Tế bào → Mô → Cơ quan → Hệ cơ quan→ Cơ thể.

**D.** Mô → Tế bào → Hệ cơ quan→ Cơ quan → Cơ thể.

**Câu 7:** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ là:

**A.** có màng tế bào. **B.** có nhân tế bào. **C.** có tế bào chất. **D.** có nhân hoàn chỉnh.

**Câu 8:**Con vịt lớn lên nhờ vào:

**A.** Sự lớn lên và phân chia của tế bào.

**B.** Sự tăng kích thước của nhân tế bào.
**C.** Nhiều tế bào được sinh ra từ một tế bào ban đầu.

**D.** Các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào ban đầu.

**Câu 9:** Tế bào nào sau đây cần quan sát bằng kính hiển vi quang học? ***Chọn đáp án sai.***

**A.** Tế bào vi khuẩn. **B.** Tế bào trứng ếch. **C.** Tế bào động vật. **D.** Tế bào thực vật.

**Câu 10:** Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để

**A.** lựa chọn đồng hồ đo phù hợp. **B.** đặt mắt đúng cách.

**C.** đọc kết quả đo chính xác. **D.** hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

**II. TỰ LUẬN(5,0 điểm)**

**Câu 1 (2 điểm):** Tại sao cần đeo kính bảo vệ mắt, đeo găng tay và mặc áo choàng (nếu có) khi làm thí nghiệm với

hóa chất?

**Câu 2 (2 điểm):** Những thành phần nào cấu tạo nên tế bào? Nêu chức năng của mỗi thành phần.

**Câu 3 (1 điểm):** Làm thế nào để lấy 1 kg gạo từ một bao đựng 5 kg gạo khi trên bàn chỉ có một cân đĩa và một quả cân 3 kg?

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 GKI**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM***( 5,0 điểm- mỗi câu học sinh trả lời đúng cho 0,5 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **D** | **A** | **C** | **A** | **D** | **A** | **B** | **C** |

**PHẦN II: TỰ LUẬN(5.0 ĐIỂM)**

**Câu 1(2,0 điểm):**

Cần đeo kính bảo vệ mắt, đeo găng tay và mặc áo choàng (nếu có) khi làm thí nghiệm với hóa chất, vì:

- Phòng thực hành là nơi chứa các thiết bị, dụng cụ, mẫu vật, hoá chất, ... để giáo viên và học sinh có thể thực hiện các thí nghiệm, các bài thực hành. Vì vậy, đây cũng là nơi có nhiều nguồn gây nguy cơ mất an toàn cho giáo viên và học sinh.

=> Nếu không đeo kính bảo vệ mắt, đeo găng tay và mặc áo choàng (nếu có) khi làm thí nghiệm với hóa chất, có thể sẽ xảy ra những sự việc nguy hiểm: hóa chất bắn vào mắt, bỏng hóa chất, bỏng nhiệt,….

**Câu 2(2,0 điểm):**

Tế bào được cấu tạo bởi ba thành phần: màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào (0,5 điểm)

Chức năng của từng thành phần:

* Màng tế bào: bảo vệ và kiểm soát sự di chuyển của các chất vào và ra khỏi tế bào. (0,5 điểm)
* Tế bào chất: Là nơi chứa các bào quan và diễn ra hầu hết các hoạt động sống của tế bào. (0,5 điểm)
* Nhân tế bào: điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào. (0,5 điểm)

**Câu 3(1,0 điểm): *Mỗi ý đúng 0,5 đ***

- Lần 1: Đặt quả cân 3 kg vào một đĩa cân, đổ gạo từ bao 5 kg vào đĩa cân còn lại. Điều chỉnh lượng gạo

 cho cân thăng bằng. Trong bao còn lại 2 kg.

- Lần 2: Đổ bao gạo 2 kg vào hai bên đĩa cân, điều chỉnh lượng gạo cho cân thăng bằng, mỗi bên đĩa cân

 sẽ là 1 kg gạo.